

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
*SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
*Independence – Freedom – Happiness*

-----

**SƠ YẾU LÝ LỊCH**  
***CURRICULUM VITAE***

|    |                                                                                                |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. | Họ và tên / <i>Full name</i>                                                                   | <b>PHẠM THỊ MAI PHƯƠNG</b>                                                                                                                                                           |                                                                                                |
| 2. | Giới tính / <i>Sex</i>                                                                         | Nữ / <i>Female</i>                                                                                                                                                                   |                                                                                                |
| 3. | Ngày sinh / <i>Date of birth</i>                                                               | 03/04/1982                                                                                                                                                                           |                                                                                                |
| 4. | Trình độ chuyên môn /<br><i>Qualification</i><br>2004 – 2009<br>2010 – 2013<br><br>2023 – 2024 | Cử nhân Kế toán / <i>Bachelor of Accounting</i><br>Cử nhân Kinh tế đối ngoại / <i>Bachelor of International Business Economics</i><br>Thạc sĩ Quản trị / <i>Master of Management</i> |                                                                                                |
| 5. | Quá trình công tác /<br><i>Employment History</i>                                              | Tổ chức/ <i>Organization:</i>                                                                                                                                                        | Chức vụ/ <i>Position:</i>                                                                      |
|    | 03/2004 – 06/2007                                                                              | Công ty TNHH XNK Thủy sản Thái Bình Dương /<br><i>Pacific Seafood Import-Export Co., Ltd</i>                                                                                         | Kế toán tổng hợp / <i>General Accountant</i>                                                   |
|    | 06/2007 – 11/2009                                                                              | Ngân hàng TMCP Nam Á /<br><i>Nam A Commercial Joint Stock Bank</i>                                                                                                                   | Giao dịch viên, Kế toán tổng hợp tại Hội sở / <i>Teller, General Accountant at Head Office</i> |
|    | 11/2009 – 11/2011                                                                              | Ngân hàng TMCP Nam Á /<br><i>Nam A Commercial Joint Stock Bank</i>                                                                                                                   | Chuyên viên Core Banking tại Hội Sở / <i>Core Banking Specialist at Head Office</i>            |
|    | 11/2011 – 08/2013                                                                              | Ngân hàng TMCP Nam Á /<br><i>Nam A Commercial Joint Stock Bank</i>                                                                                                                   | Giám đốc Trung tâm dịch vụ khách hàng / <i>Customer Service Center Director</i>                |
|    | 08/2013 – 07/2014                                                                              | Ngân hàng TMCP Nam Á /<br><i>Nam A Commercial Joint Stock Bank</i>                                                                                                                   | Giám đốc Phòng giao dịch Bến Thành / <i>Director of Ben Thanh Transaction Office</i>           |
|    | 07/2014 – 10/2014                                                                              | Ngân hàng TMCP Nam Á /<br><i>Nam A Commercial Joint Stock Bank</i>                                                                                                                   | Chuyên viên Văn phòng Ban Tổng Giám đốc / <i>Executive Office Officer</i>                      |

|    |                                                                                                                                        |                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                  |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    | 10/2014 – 01/2015                                                                                                                      | Ngân hàng TMCP Nam Á /<br><i>Nam A Commercial Joint Stock Bank</i>                                                                | Giám đốc Trung tâm dịch vụ khách hàng / <i>Customer Service Center Director</i>                                                                                                  |
|    | 01/2015 – 12/2015                                                                                                                      | Ngân hàng TMCP Nam Á /<br><i>Nam A Commercial Joint Stock Bank</i>                                                                | Đặc phái viên của Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Trung tâm dịch vụ khách hàng / <i>Special Representative of the Board of Directors cum Director of Customer Service Center</i> |
|    | 12/2015 – 04/2025                                                                                                                      | Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam /<br><i>Vietnam Export Import Commercial Joint Stock Bank</i>                              | Thành viên Ban Kiểm Soát chuyên trách nhiệm kỳ VI (2015-2020) và VII (2020-2025) / <i>Full-time member of the Supervisory Board for terms VI (2015-2020) and VII (2020-2025)</i> |
|    | 05/2025 – nay/ <i>present</i>                                                                                                          | Ngân hàng TMCP Nam Á /<br><i>Nam A Commercial Joint Stock Bank</i>                                                                | Trưởng ban Phát triển mạng lưới / <i>Head of Network Development</i>                                                                                                             |
| 6. | Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác /<br><i>Positions in others companies</i>                                               | Trưởng ban Phát triển mạng lưới Ngân hàng TMCP Nam Á /<br><i>Head of Network Development at Nam A Commercial Joint Stock Bank</i> |                                                                                                                                                                                  |
| 7. | Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ <i>Related interest with public company, public fund (if any)</i> | Không / <i>None</i>                                                                                                               |                                                                                                                                                                                  |
| 8. | Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ <i>Conflict interest with public company, public fund (if any)</i>  | Không / <i>None</i>                                                                                                               |                                                                                                                                                                                  |

